

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17
58B Đường Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2007	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2007	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2007	14 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

58B Đường Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Khái quát về Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang thành Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 theo Quyết định số 1875/QĐ-UB ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2004, Điều lệ sửa đổi đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 thông qua ngày 27 tháng 3 năm 2007.

Công ty đăng ký kinh doanh và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000107 lần đầu vào ngày 06 tháng 8 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 01 tháng 02 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 10 tháng 7 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 16 tháng 4 năm 2007.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 33.300.000.000 VND. Sau đó vốn điều lệ của Công ty tăng lên 100.000.000.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 16 tháng 4 năm 2007.

Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 3 bao gồm: Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng; Xây dựng, kinh doanh địa ốc; Vận tải hàng hóa, hành khách; Sản xuất, gia công, lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh; Mua bán máy móc thiết bị và vật tư; Khai thác nước khoáng nóng; Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 58B Đường Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
 Điện thoại : 058 831043 Fax : 058 831034
 E-mail : ntsf@dng.vnn.vn
 Mã số thuế : 4200567428

Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm các đơn vị như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Văn phòng Công ty	Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
- Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	
+ Nhà máy Chế biến thủy sản F17	Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
+ Nhà máy Chế biến thủy sản F90	Số 01 Phước Long – Bình Tân – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa.
+ Cửa hàng Vật tư thủy sản	Số 05 Sinh Trung – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
+ Nhà hàng Nha Trang Seafoods	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

58B Đường Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 36).

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2007 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Ngày 27/03/2007
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Ngày 27/03/2007
Bà Nguyễn Thùy Liễu	Ủy viên Hội đồng quản trị	Ngày 27/03/2007
Ông Trần Thiện Tâm	Ủy viên Hội đồng quản trị	Ngày 27/03/2007
Bà Đào Thị Minh Hương	Ủy viên Hội đồng quản trị	Ngày 27/03/2007

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	Ngày 27/03/2007
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	Ngày 04/08/2004
Ông Trần Thiện Tâm	Kế toán trưởng	Ngày 04/08/2004

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Phi Thương	Trưởng ban	Ngày 27/03/2007
Ông Phạm Bảo Quốc	Thành viên	Ngày 27/03/2007
Bà Phạm Ngọc Thảo	Thành viên	Ngày 27/03/2007

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

58B Đường Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán được ghi chép, lưu giữ một cách đầy đủ và phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hiện tượng làm thiệt hại đến tài sản của Công ty, cũng như các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính tổng hợp và thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Ngô Văn Ích

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 01 tháng 4 năm 2008



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters

229 Dong Khoi St., District 1, Ho Chi Minh City

- Tel: (08) 8 272 295 - Fax: (84-8) 8 272 300

Branch in Hanoi

877 Hong Ha St., Hoan Kiem District, Ha Noi City

- Tel: (04) 9 324 133 - Fax: (84-4) 9 324 113

Branch in Nha Trang, Khanh Hoa

18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City

- Tel: (058) 876 555 - Fax: (84-58) 875 327

Branch in Can Tho

162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City

- Tel: (071) 764 995 - Fax: (84-71) 764 996

www.auditconsult.com.vn

Số: 0612/2008/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2007 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

**Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2008, từ trang 7 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

- Hội đồng quản trị Công ty chưa có phương án giải quyết số tiền phải thu về tiền lương chi vượt phát sinh từ các năm trước (xem thuyết minh V.4), nên chúng tôi không thể đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản tiền này;
- Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận công nợ đối với các khoản nợ Phải thu khách hàng với số tiền là 2.259.870.644 VND. Với các tài liệu hiện có được Công ty cung cấp, chúng tôi không thể kiểm tra tính đúng đắn cũng như tình trạng của các khoản nợ này bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Y
U HẠN
VÀ
HI MINH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp do các hạn chế trên đây và khoản nợ phải thu của Công ty Nhasetraco và Xi nghiệp Tư doanh Chế biến thủy sản Cam Ranh với tổng số tiền 1.886.422.479 VND (nằm trong số các khoản nợ Phải thu khách hàng chưa được xác nhận nêu trên) đã quá hạn thanh toán trên một năm chưa được dự phòng, phần còn lại của Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Võ Hùng Tiến - Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0083/KTV

Nha Trang, ngày 01 tháng 4 năm 2008

Phan Thị Ngọc Trâm - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0979/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

58B Hai Thằng Tư - P. Vĩnh Hải - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		220.060.323.182	290.361.280.089
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.541.022.297	6.061.446.599
1. Tiền	111		3.541.022.297	6.061.446.599
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		158.850.330.775	235.892.932.217
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	152.447.403.020	231.271.299.558
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3.603.347.005	1.784.426.423
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2.807.175.750	2.844.801.236
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.595.000)	(7.595.000)
IV. Hàng tồn kho	140		48.394.424.015	44.158.991.661
1. Hàng tồn kho	141	V.5	48.404.209.015	44.168.776.661
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.785.000)	(9.785.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.274.546.095	4.247.909.612
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.897.125.821	3.390.599.473
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	-	402.647.664
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.377.420.274	454.662.475



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

58B Hai Thằng Tư - P. Vĩnh Hải - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		80.304.022.833	48.814.818.172
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		767.900.000	1.275.350.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.8	767.900.000	1.275.350.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		42.291.739.434	45.980.384.385
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	41.269.506.837	43.555.072.679
<i>Nguyên giá</i>	222		90.942.975.180	87.623.784.468
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(49.673.468.343)	(44.068.711.789)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	751.200.000	939.600.000
<i>Nguyên giá</i>	228		802.000.000	962.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(50.800.000)	(22.400.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	271.032.597	1.485.711.706
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		37.222.178.231	606.690.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	35.151.943.815	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	1.492.844.416	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	577.390.000	606.690.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		22.205.168	952.393.787
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	22.205.168	775.699.787
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	-	176.694.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		300.364.346.015	339.176.098.261

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

58B Hai Tháng Tư - P. Vĩnh Hải - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		194.874.475.588	245.250.463.352
I. Nợ ngắn hạn	310		191.734.454.373	241.909.409.186
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	182.843.123.911	229.143.664.422
2. Phải trả người bán	312	V.18	4.937.457.070	10.043.458.168
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	72.819.597	116.550.163
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	837.031.113	585.523.829
5. Phải trả người lao động	315		973.400.049	-
6. Chi phí phải trả	316	V.21	390.028.714	141.795.599
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	1.680.593.919	1.878.417.005
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.140.021.215	3.341.054.166
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.23	1.347.850.000	1.347.850.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	1.710.000.000	1.858.433.016
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	82.171.215	134.771.150
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105.489.870.427	93.925.634.909
I. Vốn chủ sở hữu	410		102.820.148.935	91.074.132.822
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	81.642.000.000	33.300.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.26	(10.281.300.000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	3.383.305.555	6.447.468.469
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	2.043.244.715	3.223.734.234
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	26.032.898.665	48.102.930.119
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.669.721.492	2.851.502.087
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.27	2.669.721.492	2.851.502.087
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		300.364.346.015	339.176.098.261

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

58B Hai Thằng Tư - P. Vĩnh Hải - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

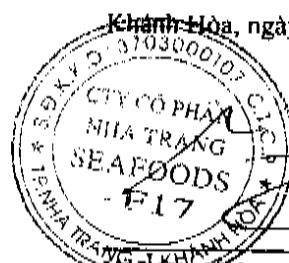
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		149.543,06	94.780,34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-


Trần Thiện Tâm
 Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2008


Ngô Văn Ich
 Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

58B Hai Tháng Tư - P. Vĩnh Hải - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
NĂM 2007**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	472.460.423.499	499.314.756.856
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	14.259.758.955	1.961.175.021
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	458.200.664.544	497.353.581.835
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	378.914.857.197	416.154.386.608
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79.285.807.347	81.199.195.227
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	146.816.967	67.554.121
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.146.401.141	10.972.763.718
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.815.396.719	10.710.150.941
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	26.092.240.591	30.935.117.390
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7.407.641.931	11.470.749.578
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.786.340.651	27.888.118.662
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.378.378.734	495.568.915
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.285.712	625.257.446
13. Lợi nhuận khác	40		2.374.093.022	(129.688.531)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.160.433.673	27.758.430.131
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	2.322.556.068	1.832.083.398
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>33.837.877.605</u>	<u>25.926.346.733</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>4.177</u>	<u>7.622</u>


Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2008

Nguyễn Văn Ích

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

58B Hai Thằng Tư - P. Vĩnh Hải - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

NĂM 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.160.433.673	27.758.430.131
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, 10	5.686.013.699	5.486.760.814
- Các khoản dự phòng	03		-	(3.905.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-(57.430.071)	688.749.456
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII.2	(2.029.451.029)	(83.901.905)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11.815.396.719	10.710.150.941
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		51.574.962.991	44.556.284.437
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		72.711.880.637	(14.068.175.211)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.657.926.348)	(11.922.334.818)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.346.831.851)	(11.616.497.448)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		753.494.619	1.062.588.285
- Tiền lãi vay đã trả	13		(11.673.787.753)	(10.625.294.073)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(2.106.891.320)	(1.958.811.322)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		176.694.000	868.801.801
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.174.009.135)	(2.949.871.068)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		99.257.585.840	(6.653.309.417)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.149.876.120)	(10.777.917.899)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		20.952.380	103.095.238
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	VII.3	(32.289.644.237)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		69.190.343	20.640.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(36.349.377.634)	(10.654.182.661)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

58B Hai Tháng Tư - P. Vĩnh Hải - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.26	(10.281.300.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17, 24	446.951.120.478	500.645.488.997
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(493.349.449.102)	(473.758.863.946)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(8.755.789.052)	(8.252.090.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(65.435.417.676)	18.634.535.051
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	V.1	(2.527.209.470)	1.327.042.973
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.061.446.599	4.719.888.097
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.785.168	14.515.529
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.541.022.297	6.061.446.599


Trần Thiện Tâm
 Kế toán trưởng



Ngô Văn Ích
 Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

102
 CẾ
 TRÁCH
 KIỂM
 T

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM 2007****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở chuyển Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang thành Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 theo Quyết định số 1875/QĐ-UB ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Công ty bao gồm:

Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng; Xây dựng, kinh doanh địa ốc; Vận tải hàng hóa, hành khách; Sản xuất, gia công, lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh; Mua bán máy móc thiết bị và vật tư; Khai thác nước khoáng nóng; Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước.

3. Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được tổ chức như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Văn phòng Công ty	Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
- Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:	
+ Nhà máy chế biến thủy sản F17	Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
+ Nhà máy chế biến thủy sản F90	Số 01 Phước Long – Bình Tân – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa.
+ Cửa hàng vật tư thủy sản	Số 05 Sinh Trung – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
+ Nhà hàng Nha Trang Seafoods	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

1474

NG 1

DIỆM H

TOÁN

VÃ

HỒ

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm 2007 là năm tài chính thứ tư của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và được lập trên cơ sở tổng hợp từ số liệu của Văn phòng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Đối với các tài sản cố định nhận bàn giao từ Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang, nguyên giá và giá trị hao mòn được ghi nhận theo số liệu của hồ sơ bàn giao giữa doanh nghiệp Nhà nước và Công ty cổ phần tại thời điểm 31/07/2004.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm tính khấu hao</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc ,	10 – 25
- Máy móc thiết bị	8 – 12
- Phương tiện vận chuyển	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

5. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.4.

7. Tài sản cố định vô hình***Giá trị quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Lợi thế kinh doanh: Được ghi nhận theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2003 để cổ phần hóa. Thời gian phân bổ chi phí này không quá 36 tháng.

Các chi phí khác: Thời gian phân bổ không quá 24 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ dẫn đến nhiều khả năng là cần chuyển giao các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

15. Vốn cổ phần***Vốn cổ phần ưu đãi***

Vốn cổ phần ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu trong trường hợp vốn không phải hoàn trả và việc chia cổ tức là không bắt buộc. Các khoản chia cổ tức được ghi nhận như là các khoản phân phối từ vốn chủ sở hữu.

Vốn cổ phần ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu vốn phải được hoàn trả vào một thời điểm cụ thể hoặc tùy theo lựa chọn của cổ đông hoặc việc chia cổ tức là bắt buộc. Cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là chi phí tiền lãi.

Cổ phiếu mua lại

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả hao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận như là một thay đổi trong vốn chủ sở hữu. Các cổ phiếu mua lại được phân loại là các cổ phiếu ngân quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

Cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với doanh nghiệp thành lập mới với các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là 100 người.
- Sản phẩm của Công ty có mức xuất khẩu đạt giá trị trên 50% tổng giá trị hàng hoá sản xuất, kinh doanh của dự án trong năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Với các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ như sau:

- Thuế suất áp dụng:
 - + Thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm kể từ khi chuyển sang hoạt động với loại hình Công ty cổ phần từ các hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi;
 - + Thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế từ các hoạt động kinh doanh khác.
- Miễn thuế: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với tất cả các khoản thu nhập.
- Giảm thuế: Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với tất cả các khoản thu nhập chịu thuế với mức thuế suất là 28%, đồng thời Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo đối với các khoản thu nhập từ các hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi.
- Doanh thu xuất khẩu trong năm 2007 của Công ty chiếm tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu nên Công ty được giảm thêm 20% số thuế phải nộp cho phần thu nhập có được do xuất khẩu trong năm 2007.

Theo Nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007, Công ty tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho thời gian còn lại. Riêng phần thuế thu nhập được giảm thêm 20% do tỷ trọng doanh thu xuất khẩu chiếm trên 50% doanh thu, sẽ được hưởng ưu đãi (nếu đáp ứng đủ điều kiện) đến hết năm 2011.

Năm 2007 là năm thứ tư Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và là năm thứ hai Công ty được giảm thuế 50% thuế thu nhập.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo tài chính tại thời điểm:

- Ngày 31/12/2006 là: 16.101 VND/USD
- Ngày 31/12/2007 là: 16.114 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi (nếu có và lãi từ các khoản đầu tư được đánh giá là trọng yếu).

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	731.167.534	860.962.385
Văn phòng Công ty	173.530.248	384.260.607
Nhà máy Chế biến thủy sản F17	196.338.197	2.152.216
Nhà máy Chế biến thủy sản F90	224.265.182	57.847.549
Cửa hàng Vật tư thủy sản	7.266.602	5.474.795
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	129.767.305	411.227.218
Tiền gửi ngân hàng	2.809.854.763	5.200.484.214
Tiền Việt Nam	400.538.308	3.674.425.960
Tiền ngoại tệ (quy VND)	2.409.316.455	1.526.058.254
Cộng	3.541.022.297	6.061.446.599

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Shun Fat Enterprises	130.087.602.349	222.024.154.873
Công ty Aquatila	6.084.413.069	3.441.650.739
Clama GMBH Co. KG	1.739.139.480	-
LP Foods Pte., Ltd.	1.034.653.352	1.801.556.991
Công ty Global Seafoods Australia	1.045.943.626	-
Công ty Hanwa	1.375.055.962	-
Công ty Asropa Food GMBH	-	1.703.260.386
Công ty Nhaseatraco	1.566.809.661	1.565.545.635
Công ty Sea Under World	313.256.160	273.588.192
Công ty Top Products Inc.	6.314.865.022	100.920.424
Công ty Kohyo	462.707.064	-
Các khách hàng khác	2.422.957.275	360.622.318
Cộng	152.447.403.020	231.271.299.558

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Nguyễn Minh Thông	123.970.000	28.970.000
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	2.583.587.097	-
Liên đoàn Địa chất - Thủy văn Miền Trung	575.000.000	190.000.000
Các khách hàng khác	320.789.908	1.565.456.423
Cộng	3.603.347.005	1.784.426.423

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ lương chi vượt	2.480.600.377	2.480.600.377
Tiền vay và lãi vay mua cổ phiếu ưu đãi	111.590.000	64.104.830
Thuế thu nhập cá nhân	135.687.217	48.975.217
Chi hỗ trợ cấp bảo hiểm xã hội	3.045.822	222.559.322
Các khoản khác	76.252.334	28.561.490
Cộng	2.807.175.750	2.844.801.236

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	961.563.016	1.832.953.602
Công cụ, dụng cụ tồn kho	87.163.418	172.625.717
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	327.095.555	-
Thành phẩm tồn kho (*)	46.640.814.443	41.832.586.373
Hàng hóa tồn kho	387.572.583	330.610.969
Cộng	48.404.209.015	44.168.776.661

(*) Trong đó, thành phẩm đã xuất khẩu bị khách hàng trả lại đang trên đường vận chuyển từ nước ngoài về Việt Nam, trị giá 1.728.698.400 VND. Lô hàng này được Công ty làm thủ tục nhập khẩu vào ngày 05/01/2008.

6. Thuế và các khoản thuế phải thu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế xuất nhập khẩu	-	114.822.664
Tiền thuế đất	-	287.825.000
Cộng	-	402.647.664

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng của cán bộ công nhân viên	1.376.999.860	454.662.475
Ký quỹ tại Chi nhánh Ngân hàng Công Thương Khánh Hòa	420.414	-
Cộng	1.377.420.274	454.662.475

8. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thu hộ tiền cổ phần ưu đãi bán cho người lao động	767.900.000	1.275.350.000
Cộng	767.900.000	1.275.350.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	20.076.647.418	62.777.011.316	4.181.021.379	589.104.355	87.623.784.468
Dầu tư mới	401.152.595	2.701.241.642	169.933.427	104.005.905	3.376.333.569
Nhượng bán			(57.142.857)	-	(57.142.857)
Số cuối năm	20.477.800.013	65.478.252.958	4.293.811.949	693.110.260	90.942.975.180
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.014.328.666	34.711.366.886	982.275.853	360.740.384	44.068.711.789
Trích khấu hao	791.563.733	4.394.019.581	401.224.682	70.805.703	5.657.613.699
Nhượng bán	-	-	(52.857.145)	-	(52.857.145)
Số cuối năm	8.805.892.399	39.105.386.467	1.330.643.390	431.546.087	49.673.468.343
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	12.062.318.752	28.065.644.430	3.198.745.526	228.363.971	43.555.072.679
Số cuối năm	11.671.907.614	26.372.866.491	2.963.168.559	261.564.173	41.269.506.837

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại các ngân hàng.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	850.000.000	112.000.000	962.000.000
Dầu tư hoàn thành	660.000.000	30.000.000	690.000.000
Góp vốn thành lập công ty cổ phần	(850.000.000)	-	(850.000.000)
Số cuối năm	660.000.000	142.000.000	802.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	22.400.000	22.400.000
Trích khấu hao	-	28.400.000	28.400.000
Số cuối năm	-	50.800.000	50.800.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	850.000.000	89.600.000	939.600.000
Số cuối năm	660.000.000	91.200.000	751.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Hình thành TSCĐ</u>	<u>Chuyển sang góp vốn vào công ty con</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí di dời nhà số 46 Nguyễn Thị Minh Khai	370.000.000	-	370.000.000	-	-
Mua sắm tài sản và xây dựng cơ bản	<u>1.115.711.706</u>	<u>2.934.544.096</u>	<u>2.630.929.128</u>	<u>1.148.294.077</u>	<u>271.032.597</u>
Cộng	<u>1.485.711.706</u>	<u>2.934.544.096</u>	<u>3.000.929.128</u>	<u>1.148.294.077</u>	<u>271.032.597</u>

12. Đầu tư vào Công ty con

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thủy sản NT (a)	12.201.943.815	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF (b)	22.950.000.000	-
Cộng	<u>35.151.943.815</u>	<u>-</u>

(a) Công ty Cổ phần Thủy sản NT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2006. Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp cảng cá Tắc Cậu – xã Bình An – huyện Châu Thành – tỉnh Kiên Giang. Vốn điều lệ của Công ty là 15.200.000.000 VND, trong đó, Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 góp 15.000.000.000 VND, chiếm 98,68% vốn điều lệ.

(b) Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000247 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 1 vào ngày 14 tháng 5 năm 2007. Trụ sở chính của Công ty tại Khu Tiểu thủ Công nghiệp Thốt Nốt – huyện Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ. Vốn điều lệ của Công ty là 51.000.000.000 VND, trong đó, Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 góp 50.500.000.000 VND, chiếm 99,02% vốn điều lệ.

13. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	1.492.844.416	-
Cộng	<u>1.492.844.416</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 54.0.3.000051 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 25 tháng 7 năm 2007. Trụ sở chính của Công ty tại ấp Phước Thạnh, xã Quới Thiện, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND, trong đó, Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 góp 18.000.000.000 VND, chiếm 45% vốn điều lệ.

14. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cong trái giáo dục (kỳ hạn từ 06/05/2003 đến 07/05/2008, lãi suất 8%/năm)	100.000.000	129.300.000
Góp vốn vào Công ty Top Product, Inc. dba Great Pacific Seafood tại Mỹ (tương đương 30.000.00 USD – chiếm 8,174% vốn điều lệ)	<u>477.390.000</u>	<u>477.390.000</u>
Cộng	<u>577.390.000</u>	<u>606.690.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí</u>	<u>Số cuối năm</u>
Lợi thế kinh doanh	761.180.927	-	761.180.927	-
Đồ dùng, dụng cụ	3.776.013	154.211.644	135.782.489	22.205.168
Chi phí khác	10.742.847	-	10.742.847	-
Cộng	775.699.787	154.211.644	907.706.263	22.205.168

16. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại Chi nhánh Ngân hàng Công Thương Khánh Hòa	-	176.694.000
Cộng	-	176.694.000

17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	182.273.123.911	229.143.664.422
- Vay USD của Chi nhánh ngân hàng Công Thương Khánh Hòa theo hạn mức tín dụng, thời hạn vay 4 tháng, lãi suất 6,8%/năm	100.706.054.400	142.145.054.037
- Vay USD của Chi nhánh ngân hàng Ngoại thương Nha Trang, theo hạn mức tín dụng, thời hạn vay 4 tháng, lãi suất 6,8%/năm	65.566.254.600	76.300.787.385
- Vay VND của các cá nhân, lãi suất 1%/tháng	16.000.814.911	10.697.823.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.24)	570.000.000	-
- Chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Nha Trang	570.000.000	-
Cộng	182.843.123.911	229.143.664.422

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn phát sinh trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh</u>	<u>Số chuyển từ nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả</u>	<u>Đánh giá lại</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn	229.143.664.422	446.246.713.049	-	493.066.608.657	(50.644.903)	182.273.123.911
Vay Ngân hàng Công Thương Khánh Hòa theo hạn mức tín dụng (USD)	142.145.054.037	262.927.803.037	-	304.352.116.114	(14.686.560)	100.706.054.400
Vay chiết khấu Ngân hàng Công Thương Khánh Hòa (USD)	-	17.126.533.182	-	17.126.533.182	-	-
Vay Ngân hàng Ngoại thương Nha Trang, theo hạn mức tín dụng (USD)	76.300.787.385	120.981.095.944	-	131.679.670.386	(35.958.343)	65.566.254.600
Vay chiết khấu Ngân hàng Ngoại thương Nha Trang (USD)	-	15.629.540.886	-	15.629.540.886	-	-
Vay của các cá nhân (VND)	10.697.823.000	29.581.740.000	-	24.278.748.089	-	16.000.814.911
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	852.840.445	282.840.445	-	570.000.000
Chi nhánh Ngân hàng Ngoại Thương Nha Trang (VND)	-	-	852.840.445	282.840.445	-	570.000.000
Cộng	229.143.664.422	446.246.713.049	852.840.445	493.349.449.102	(50.644.903)	182.843.123.911

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**18. Phải trả cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tiếp vận và Thương mại Hoàng Long	676.546.290	142.452.625
Công ty Cổ phần Gò Đăng	461.232.613	-
DNTN Sản xuất - Thương mại Phước Kim Long	168.213.100	3.770.793.400
Công ty Cổ phần Bao bì Đông Á	1.245.238.480	1.477.101.560
DNTN Ngọc Hồng	154.993.465	224.126.364
Công ty TNHH Thương mại Lâm Thái Thủy	335.235.000	272.265.000
Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Tân Tiến	294.257.820	75.463.420
Các khách hàng khác	1.601.740.302	4.081.255.799
Cộng	4.937.457.070	10.043.458.168

19. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Fuji Corp.	-	115.230.129
Công ty T&F Seafoods	59.675.128	1.320.034
Các khách hàng khác	13.144.469	-
Cộng	72.819.597	116.550.163

20. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	361.114.374	145.449.626
Thuế thu nhập cá nhân	182.409.215	146.566.679
Các khoản phải nộp khác	293.507.524	293.507.524
Cộng	837.031.113	585.523.829

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm 2007 tại Công ty như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	532.982.695	532.982.695	-
Thuế xuất nhập khẩu	(114.822.664)	219.938.272	105.115.608	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	145.449.626	2.322.556.068	2.106.891.320	361.114.374
Thuế thu nhập cá nhân	146.566.679	125.838.961	89.996.425	182.409.215
Tiền thuế đất	(287.825.000)	702.227.700	414.402.700	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	293.507.524	61.273.300	61.273.300	293.507.524
Cộng	182.876.165	3.969.816.996	3.315.662.048	837.031.113

• *Thuế Giá trị gia tăng:* Công ty áp dụng tính thuế phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế.

• *Thuế thu nhập doanh nghiệp:* Xem thuyết minh IV.16.

Công ty tạm thời xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần (từ 01/08/2004 đến 31/12/2007) đối với các khoản thu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

nhập chịu thuế với thuế suất 28% và chưa tính đến ưu đãi thuế về miễn và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp do sử dụng lao động bình quân trong năm trên 100 người mà Công ty được hưởng theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập phải nộp trong năm được trình bày tại thuyết minh VI.9.

- *Các loại thuế và các khoản nộp khác:* Áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Số thuế các loại phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dịch vụ đã sử dụng	163.562.880	56.938.731
Chi phí lãi vay	226.465.834	84.856.868
Cộng	390.028.714	141.795.599

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền đặt cọc mua phế liệu	80.000.000	60.000.000
Kinh phí công đoàn	995.488.503	783.416.557
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	162.910.800	473.412.355
Các khoản phải trả khác	442.194.616	561.588.093
Cộng	1.680.593.919	1.878.417.005

23. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả SCIC về tiền thu hộ cổ phần ưu đãi bán cho người lao động nghèo	1.347.850.000	1.347.850.000
Cộng	1.347.850.000	1.347.850.000

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ gốc (1)	2.280.000.000	1.858.433.016
Vay Chi nhánh Ngân hàng Ngoại Thương Nha Trang để đầu tư máy móc nâng công suất Nhà máy chế biến F90, thời hạn vay 60 tháng (10/2011), lãi suất 1%/tháng		
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả trong năm sau (2)	570.000.000	-
Vay và nợ dài hạn [(1) – (2)]	1.710.000.000	1.858.433.016

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	1.858.433.016	1.343.402.540
Số tiền vay trong năm	704.407.429	1.858.433.016
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(1.343.402.540)
Số tiền kết chuyển sang nợ đến hạn trả	(852.840.445)	-
Số dư cuối năm	<u>1.710.000.000</u>	<u>1.858.433.016</u>

25. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm 2007</u>	<u>Năm 2006</u>
Số đầu năm	134.771.150	101.937.000
Bộ Tài chính hỗ trợ	42.717.975	-
Trích lập trong năm	117.445.590	94.374.450
Chi trợ cấp thôi việc	(212.763.500)	(61.540.300)
Số cuối năm	<u>82.171.215</u>	<u>134.771.150</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17
Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2006	33.300.000.000	-	4.238.258.619	2.119.129.309	36.224.875.561	75.882.263.489
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2006	-	-	-	-	-	-
Tạm chia cổ tức	-	-	(7.850.502)	(3.925.251)	(252.551.295)	(264.327.048)
Lợi nhuận sau thuế năm 2006	-	-	-	-	(8.252.090.000)	(8.252.090.000)
Trích các quỹ từ lợi nhuận 2006	-	-	-	-	25.926.346.733	25.926.346.733
Chi khác	-	-	2.217.060.352	1.108.530.176	(5.542.650.880)	(2.217.060.352)
Số dư tại ngày 31/12/2006	33.300.000.000	-	6.447.468.469	3.223.734.234	48.102.930.119	91.074.132.822
Số dư tại ngày 01/01/2007	33.300.000.000	-	6.447.468.469	3.223.734.234	48.102.930.119	91.074.132.822
Tăng vốn điều lệ (cổ phiếu thưởng)	48.342.000.000	-	(6.447.468.469)	(2.703.218.122)	(39.191.313.409)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2006	-	-	-	-	-	-
Mua 107.200 cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(8.755.789.052)	(8.755.789.052)
Lợi nhuận sau thuế năm 2007	-	(10.281.300.000)	-	-	-	(10.281.300.000)
Trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2007	-	-	-	-	33.837.877.605	33.837.877.605
Chi khác	-	-	3.383.305.555	1.522.728.603	(7.951.491.364)	(3.045.457.206)
Số dư tại ngày 31/12/2007	81.642.000.000	(10.281.300.000)	3.383.305.555	2.043.244.715	26.032.898.665	102.820.148.935

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 33.300.000.000 VND và được chia thành 333.000 cổ phần bằng nhau có mệnh giá 100.000 VND/cổ phần do các cổ đông đóng góp từ việc mua cổ phần của doanh nghiệp Nhà nước. Sau đó vốn điều lệ của Công ty tăng lên 100.000.000.000 VND và được chia thành 10.000.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 VND/cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 16 tháng 4 năm 2007. Toàn bộ cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

Việc tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 VND đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 27 tháng 3 năm 2007 thông qua như sau:

- Cổ phiếu thưởng: Sử dụng toàn bộ Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính hiện có tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tổng số tiền là 48.342.000.000 để chia thưởng cho cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu;
- Chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu vốn hiện tại của cổ đông đó trong Công ty (sau khi nhận cổ phiếu thưởng) với tỷ lệ sở hữu 5 cổ phiếu sẽ được mua thêm 1 cổ phiếu;
- Chào bán cho cán bộ chủ chốt của Công ty với số lượng 10.000 cổ phiếu.

Hiện Công ty đang phối hợp với Tổ chức tư vấn để tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc chào bán cổ phiếu.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND/cổ phiếu	Mệnh giá cổ phiếu được quy đổi sang 10.000 VND/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	3.330.000
Số lượng cổ phiếu đã bán (cổ phiếu phổ thông)	8.164.200	3.330.000
Cổ phiếu quỹ	107.200	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.057.000	3.030.000

Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 27 tháng 3 năm 2007 đã thông qua việc chi trả cổ tức các năm 2004, năm 2005 và năm 2006 lần lượt là 20%, 20% và 25%.

Trích lập các quỹ từ lợi nhuận

- Quỹ dự phòng tài chính được trích hàng năm bằng 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ này bằng 10% vốn điều lệ theo Điều lệ của Công ty.
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích hàng năm bằng 10% lợi nhuận sau thuế của Công ty.
- Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

27. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Tổng cộng
Số đầu năm	1.773.755.051	1.077.747.036	2.851.502.087
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	2.131.820.044	913.637.162	3.045.457.206
Chi trong kỳ	(2.123.804.700)	(1.103.433.101)	(3.227.237.801)
Số cuối năm	1.781.770.395	887.951.097	2.669.721.492

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu thuần**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	472.460.423.499	499.314.756.856
Các khoản giảm trừ doanh thu	14.259.758.955	1.961.175.021
- Hàng bán bị trả lại	13.685.990.292	1.628.233.565
- Giảm giá hàng bán	573.768.663	332.941.456
Doanh thu thuần	458.200.664.544	497.353.581.835
Trong đó:		
- Hàng thủy sản xuất khẩu	427.728.337.400	460.620.844.245
- Hàng thủy sản nội địa	13.911.037.292	23.466.906.571
- Nhà hàng	5.213.479.793	4.592.969.314
- Bán hàng hóa, vật tư	2.990.006.758	2.775.267.958
- Hoạt động khác	8.357.803.301	5.897.593.747

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng thủy sản xuất khẩu và bán nội địa	366.264.940.326	405.910.479.391
Giá vốn dịch vụ tại Nhà hàng	3.321.097.073	3.031.188.290
Giá vốn của hàng hóa, vật tư	2.780.238.280	2.553.530.671
Giá vốn của hoạt động khác	6.548.581.518	4.659.188.256
Cộng	378.914.857.197	416.154.386.608

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	56.824.411	38.914.121
Lãi công trái xây dựng tổ quốc	8.000.000	8.000.000
Lãi đầu tư ra ngoài doanh nghiệp	69.190.343	20.640.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.802.213	-
Cộng	146.816.967	67.554.121

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	11.815.396.719	10.710.150.941
Lỗ chênh lệch tỷ giá	331.004.422	262.612.777
Cộng	12.146.401.141	10.972.763.718

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.361.029.543	1.093.397.135
Chi phí khấu hao tài sản cố định	397.673.502	338.692.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.826.070.909	26.227.529.510
Chi phí khác	3.507.466.637	3.275.498.268
Cộng	26.092.240.591	30.935.117.390

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.132.185.880	1.758.195.190
Chi phí khấu hao tài sản cố định	485.338.340	620.531.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.364.393.724	5.091.316.848
Chi phí khác	3.425.723.987	4.000.706.166
Cộng	7.407.641.931	11.470.749.578

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu bán thanh lý tài sản cố định	20.952.380	103.095.238
Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	1.935.594.018	-
Các khoản thu nhập khác	421.832.336	392.473.677
Cộng	2.378.378.734	495.568.915

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	4.285.712	47.833.333
Các khoản chi khác	-	577.424.113
Cộng	4.285.712	625.257.446

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.160.433.673	27.758.430.131
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.495.417.748)	(8.000.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	(1.943.594.018)	(8.000.000)
	448.176.270	-
Tổng thu nhập chịu thuế	34.665.015.925	27.750.430.131
- Thu nhập chịu thuế với thuế suất 20% (*)	33.833.055.543	27.278.672.819
- Thu nhập chịu thuế với thuế suất 28% (*)	831.960.382	471.757.312
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp năm nay	2.322.556.068	1.832.083.398
- Thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%	6.766.611.109	5.455.734.564
- Thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28%	232.948.908	132.092.048
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(3.383.305.555)	(2.727.867.282)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 20% do xuất khẩu trong năm trên 50% doanh thu	(1.293.698.394)	(1.027.875.932)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.322.556.068	1.832.083.398

(*) Công ty không hạch toán riêng để xác định thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, nên phần thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế xác định bằng (=) tổng thu nhập chịu thuế nhân (x) với tỷ lệ phần trăm (%) của doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh miễn thuế, giảm thuế so với tổng doanh thu thuần thực hiện trong kỳ tính thuế.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Cổ phiếu đang lưu hành bình quân được tính toán trên cơ sở mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.837.877.605	25.926.346.733
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(9.315.234)	(273.177.550)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(9.315.234)	(273.177.550)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	33.819.247.137	25.379.991.633
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8.095.719	3.330.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.177	7.622

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP****1. Các giao dịch không bằng tiền**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn đầu tư vào đơn vị khác bằng tài sản	4.355.143.994	-
Phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ được trích từ lợi nhuận	48.342.000.000	-
Cộng	52.697.143.994	-

Các khoản giao dịch trên đã được điều chỉnh trên các chỉ tiêu tương ứng và các chỉ tiêu có liên quan của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi công trái	(8.000.000)	(8.000.000)
Cổ tức được chia	(69.190.343)	(20.640.000)
Lãi do đánh giá lại tài sản góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	(1.935.594.018)	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	(16.666.668)	(55.261.905)
Cộng	(2.029.451.029)	(83.901.905)

3. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NT	8.269.293.815	-
Góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	22.527.506.006	-
Góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	1.492.844.416	-
Cộng	32.289.644.237	-

VIII. MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC**1. Các khoản cam kết**

- Cam kết góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Thủy sản NT (tỉnh Kiên Giang):

Công ty Cổ phần Thủy sản NT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2006, với vốn điều lệ là 15.200.000.000 VND. Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 góp 98,68% vốn điều lệ của Công ty này, tương đương 15.000.000.000 VND. Số vốn cam kết này Công ty đã góp đến 31/12/2007 là 12.201.943.815 VND. Số vốn cam kết Công ty còn phải góp là 2.798.056.185 VND.

- Cam kết góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF (Thành phố Cần Thơ):

Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000247 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cần Thơ cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 1 vào ngày 14/05/2007, với vốn điều lệ là 51.000.000.000 VND. Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 góp 99,02% vốn điều lệ của Công ty này, tương đương 50.500.000.000 VND. Số vốn cam kết này Công ty đã góp đến 31/12/2007 là 22.950.000.000 VND. Số vốn cam kết Công ty còn phải góp là 27.550.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Cam kết góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF (tỉnh Vĩnh Long):

Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 54.0.3.000051 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 25 tháng 7 năm 2007, với Vốn điều lệ là 40.000.000.000 VND. Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 góp 45% vốn điều lệ, tương đương 18.000.000.000 VND. Số vốn cam kết này Công ty đã góp đến 31/12/2007 là 1.492.844.416 VND. Số vốn cam kết Công ty còn phải góp là 16.507.155.584 VND.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên có liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu phát sinh giữa Công ty và các bên liên quan trong năm như sau:

Quan hệ về với các Công ty con và Công ty liên kết:

Bên có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền (VND)
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Công ty con	Góp vốn điều lệ	12.201.943.815
		Trả trước tiền mua sản phẩm (thuyết minh V.3)	2.583.587.097
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	Công ty con	Góp vốn điều lệ	22.950.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	Công ty liên kết	Góp vốn điều lệ	1.492.844.416

Quan hệ với các Thành viên quản lý chủ chốt:

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Thành viên chủ chốt	Nội dung giao dịch
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Tiền lương và thưởng theo quy định trong năm 2007 là 974.130.000 đồng.
Ông Ngô Văn Ích – Chủ tịch Hội đồng quản trị	Dùng tài sản của cá nhân để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.
Ông Huỳnh Long Quân – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Dùng tài sản của cá nhân để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.
Bà Nguyễn Thùy Liễu – Ủy viên Hội đồng quản trị	Dùng tài sản của cá nhân để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện Công ty đang phối hợp với Tổ chức tư vấn để tiến hành các thủ tục chào bán cổ phiếu ra công chúng, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2007 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

8-C.1
Y
U HẠN
VÀ
V
HỊ MỊN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Số 58B Hai Tháng Tư – P. Vĩnh Hải – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	DVT	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	73,26	85,61
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	26,74	14,39
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	64,88	72,31
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	35,12	27,69
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,54	1,38
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,15	1,18
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,03
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	7,89	5,58
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	7,38	5,21
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	12,04	8,18
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	11,27	7,64
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	32,91	28,47

Khánh Hòa ngày 31 tháng 3 năm 2008

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI SÁCH CHÍNH SÁCH F17

004590

Quyển số: 05/09/2008

Ngày: 05/09/2008

Trần Thiện Tâm
Kế toán trưởng

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG VINH PHƯỚC

Ngô Văn Ích
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

PHỤ CHỦ TỊCH

Pê Thanh Tâm

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp